2. Điểm số học sinh

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3							
			Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Nữ
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		
I. Kết quả học tập																						
1. Tiếng Việt	464	449	105	50	105	50			84	39	84	39			90	44	89	44		1	83	33
Điểm 10																						
Điểm 9		1																			1	
Điểm 8		19							1	1	1	1			1		1				6	4
Điểm 7		26	2	1	2	1			3	2	3	2			8	4	7	4			5	2
Điểm 6		79	24	18	24	18			13	5	13	5			15	7	15	7			11	6
Điểm 5		145	41	19	41	19			33	19	33	19			38	23	38	23			16	4
Dưới điểm 5		179	38	12	38	12			34	12	34	12			28	10	28	10		1	44	17
2.Toán	464	449	105	50	105	50			84	39	84	39			90	44	89	44		1	83	33
Điểm 10		2																			1	
Điểm 9		6																			2	2
Điểm 8		21	3	2	3	2			5	2	5	2			5	1	4	1			6	4
Điểm 7		42	11	5	11	5			9	2	9	2			9	5	9	5			10	3
Điểm 6		83	22	13	22	13			19	9	19	9			13	7	13	7			19	6
Điểm 5		129	37	17	37	17			22	12	22	12			36	19	36	19			14	6
Dưới điểm 5		166	32	13	32	13			29	14	29	14			27	12	27	12		1	31	12
3. TH-CN (Công ngh	272	260													90	44	89	44		1	83	33
Điểm 10																						
Điểm 9		4													2	1	2	1			2	1
Điểm 8		8													3	1	3	1			5	5
Điểm 7		37													11	4	10	4			12	4
Điểm 6		59													20	10	20	10			20	11
Điểm 5		101													36	22	36	22			31	8
Dưới điểm 5		51													18	6	18	6		1	13	4
4. TH-CN (Tin học)	272	260													90	44	89	44		1	83	33
Điểm 10																						
Điểm 9		3													1		1				2	1
Điểm 8		7													1		1				3	3
Điểm 7		30													6	3	6	3			13	8
Điểm 6		77													31	19	30	19			29	12
Điểm 5		102													41	19	41	19		1	25	5
Dưới điểm 5		41													10	3	10	3			11	4
5. Ngoại ngữ	272	260													90	44	89	44		1	83	33
Điểm 10																						

Điểm 9																						
Điểm 8																						
Điểm 7		24													14	8	13	8			4	3
Điểm 6		41													22	13	22	13			7	4
Điểm 5		118													38	19	38	19			42	16
Dưới điểm 5		77													16	4	16	4		1	30	10
6. Khoa học	177	170																			83	33
Điểm 10																						
Điểm 9		1																			1	
Điểm 8		11																			4	4
Điểm 7		21																			10	5
Điểm 6		60																			35	16
Điểm 5		46																			21	4
Dưới điểm 5		31																			12	4
7. Lịch sử và Địa lý	177	170																			83	33
Điểm 10																						
Điểm 9		2																			2	1
Điểm 8		3																			3	3
Điểm 7		15																			8	5
Điểm 6		66																			34	14
Điểm 5		51																			24	6
Dưới điểm 5		33																			12	4

Lớp 4				Lớp 5					
Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				
Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
83	33			87	39	87	39		
1									
6	4			11	8	11	8		
5	2			8	6	8	6		
11	6			16	7	16	7		
16	4			17	9	17	9		
44	17			35	9	35	9		
83	33			87	39	87	39		
1				1	1	1	1		
2	2			4	2	4	2		
6	4			2	1	2	1		
10	3			3	2	3	2		
19	6			10	5	10	5		
14	6			20	8	20	8		
31	12			47	20	47	20		
83	33			87	39	87	39		
2	1								
5	5								
12	4			14	11	14	11		
20	11			19	12	19	12		
31	8			34	11	34	11		
13	4			20	5	20	5		
83	33			87	39	87	39		
2	1								
3	3			3	3	3	3		
13	8			11	9	11	9		
29	12			17	8	17	8		
25	5			36	15	36	15		
11	4			20	4	20	4		
83	33			87	39	87	39		

4	3			6	4	6	4		
7	4			12	9	12	9		
42	16			38	17	38	17		
30	10			31	9	31	9		
83	33			87	39	87	39		
1									
4	4			7	7	7	7		
10	5			11	9	11	9		
35	16			25	13	25	13		
21	4			25	5	25	5		
12	4			19	5	19	5		
83	33			87	39	87	39		
2	1								
3	3								
8	5			7	6	7	6		
34	14			32	21	32	21		
24	6			27	7	27	7		
12	4			21	5	21	5		